

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

---\*\*\*---



## TIỂU LUẬN

MÔN: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

GIẢNG VIÊN: ThS. Hoàng Thị Ngọc Hà

## ĐỀ TÀI:

## QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

### NHÓM

| Họ và tên sinh viên    | Mã sinh viên |
|------------------------|--------------|
| Hồ Tâm Nhi             | 23k4010121   |
| Thái Nguyễn Diệu Huyền | 23k4010057   |
| Võ Thị Thúy Nga        | 23k4010089   |
| Phan Thị Thúy Ngân     | 23k4010093   |
| Ngô Thị Hoài Phương    | 23k4010138   |
| Lê Phú Đô              | 21k4020098   |
| Hà Phi Dũng            | 22k4070023   |

Huế, ngày 28 tháng 3 năm 2024

## MỤC LỤC

|                                                                                |    |
|--------------------------------------------------------------------------------|----|
| MỤC LỤC                                                                        | 1  |
| LỜI CẢM ƠN                                                                     | 2  |
| Phần 1: Đặt vấn đề                                                             | 3  |
| Phần 2: Nội dung nghiên cứu                                                    | 4  |
| 1. Một số công cụ Nhà nước sử dụng để tác động vào lĩnh vực đầu tư nước ngoài. |    |
| 4                                                                              |    |
| 1.1. Pháp luật                                                                 | 4  |
| 1.2. Chiến lược                                                                | 5  |
| 1.3. Quy hoạch                                                                 | 6  |
| 1.4. Chương trình                                                              | 7  |
| 1.5. Dự án                                                                     | 8  |
| 1.6. Chính sách                                                                | 9  |
| 2. Đánh giá tác động của các công cụ                                           | 10 |
| 2.1. Công cụ tốt (chính sách)                                                  | 10 |
| 2.2. Công cụ chưa tốt (chiến lược)                                             | 12 |
| Phần 3: Kết luận                                                               | 13 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO                                                             | 14 |
| GHI CHÚ TỪ VIẾT TẮT                                                            | 15 |

## LỜI CẢM ƠN

Trên thực tế không có sự thành công nào mà không gắn liền với những sự hỗ trợ, giúp đỡ, dù ít hay nhiều, dù trực tiếp hay gián tiếp của người khác. Trong suốt thời gian từ khi bắt đầu học, học phần “Quản lý nhà nước về kinh tế” chúng em đã nhận rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ của quý thầy cô, gia đình và bạn bè.

Với lòng biết ơn sâu sắc nhất, em xin gửi đến cô ThS. Hoàng Thị Ngọc Hà, với tri thức và tâm huyết của mình cô đã truyền đạt vốn kiến thức quý báu cho chúng em qua từng buổi học trên lớp cũng như những buổi nói chuyện, thảo luận về lĩnh vực: “Quản lý nhà nước trong các lĩnh vực”, nếu không có những lời hướng dẫn, dạy bảo của cô thì bài tập lớn này của chúng em rất khó có thể hoàn thành được. Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn cô.

Mặc dù trong quá trình làm bài tiểu luận chúng em đã rất cố gắng, tuy nhiên cũng không thể tránh khỏi những thiếu sót. Chúng em hy vọng rằng sẽ nhận được những ý kiến nhận xét, góp ý của cô về những vấn đề được triển khai trong bài tiểu luận của chúng em được hoàn thiện hơn và giúp chúng em có thêm những kinh nghiệm quý báu.

Cuối cùng, em xin kính chúc cô ThS. Hoàng Thị Ngọc Hà luôn dồi dào sức khỏe và thành công trong sự nghiệp giảng dạy cao quý.

## **Phần 1: Đặt vấn đề**

Đối với một quốc gia nào, dù là nước phát triển hay đang phát triển trên thế giới thì vốn có vai trò đặc biệt quan trọng để phát triển nền kinh tế quốc dân cũng như là giải quyết các vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội. Nguồn vốn để huy động phát triển kinh tế từ trong nước và ngoài nước, tuy nhiên nguồn vốn trong nước thường có hạn, nhất là nước đang phát triển như Việt Nam. Vậy nên, trong thời đại Việt Nam đang muốn phát triển theo hướng CNH-HĐH thì vốn nước ngoài giữ vai trò ngày càng quan trọng trong quốc gia.

Hơn nữa, trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay thì việc đầu tư nước ngoài luôn được các quốc gia đặc biệt quan tâm. Bất kỳ một quốc gia nào muốn tăng trưởng và phát triển đều cần một điều không thể thiếu, đó là thu hút và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài một cách hiệu quả, nhất là các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Hay nói cách khác, Việt Nam muốn thực hiện mục tiêu CNH-HĐH đất nước thì cần phải thu hút thật nhiều vốn đầu tư nước ngoài, cũng như sử dụng nó một cách hiệu quả để phát triển đất nước.

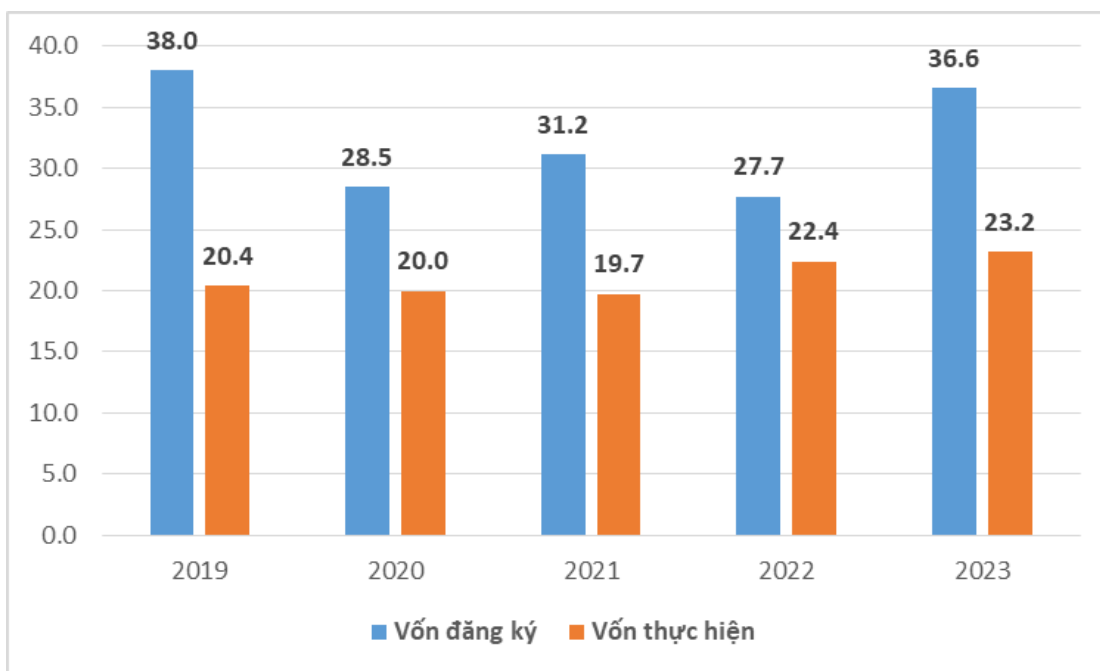
Trong những năm vừa qua, Chính phủ luôn coi trọng công tác thu hút đầu tư nước ngoài bằng cách cải thiện môi trường đầu tư, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong và ngoài nước, đặc biệt coi trọng việc triển khai xây dựng chương trình pháp luật.

Kết quả, dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam từng bước hồi phục. Tính chung 5 năm từ 2019-2023, Việt Nam đã thu hút hơn 162 tỷ USD vốn FDI đăng ký mới, 105 tỷ USD vốn FDI thực hiện, góp phần vào nguồn vốn đầu tư phát triển và nâng cao năng lực sản xuất của nền kinh tế. Năm 2023, các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành trong tổng số 21 ngành kinh tế quốc dân. Đóng góp của khối FDI vào tăng trưởng kinh tế đã tăng từ 21,52% giai đoạn 2011 - 2015 lên 25,1% giai đoạn 2016 - 2020.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn còn nhiều hạn chế: Hiệu quả tổng thể nguồn vốn FDI chưa cao; tỷ lệ vốn thực hiện thấp so với vốn đăng ký, quy mô dự án FDI nhỏ, nhiều dự án chậm triển khai, giãn tiến độ; mục tiêu thu hút FDI vào lĩnh vực công nghệ cao, chuyển giao công nghệ chưa đạt được; tạo việc làm chưa tương xứng, đời sống người lao động làm việc cho doanh nghiệp FDI chưa cao; hiệu ứng lan tỏa của khu vực FDI sang các khu vực khác còn hạn chế.

Xuất phát từ thực trạng đó, nhóm chúng tôi xin đề xuất nghiên cứu đề tài “ Thực trạng vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam”.

Hình 1: Vốn đầu tư nước ngoài các năm 2019 – 2023



## Phần 2: Nội dung nghiên cứu

### 1. Một số công cụ Nhà nước sử dụng để tác động vào lĩnh vực đầu tư nước ngoài.

#### 1.1. Pháp luật

##### LUẬT ĐẦU TƯ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Đầu tư.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với nhà đầu tư và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh.

Điều 4. Áp dụng Luật Đầu tư và các luật có liên quan

1. Hoạt động đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư và luật khác có liên quan.

2. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Đầu tư và luật khác đã được ban hành trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh hoặc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư.

Quy định về tên ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong các luật khác phải thống nhất với Điều 6 và các Phụ lục của Luật Đầu tư.

3. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Đầu tư và luật khác đã được ban hành trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành về trình tự, thủ tục đầu tư kinh doanh, bảo đảm đầu tư thì thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, trừ các trường hợp sau đây:

a) Việc đầu tư, quản lý, sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

b) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư công và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công;

c) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư, thực hiện dự án; pháp luật điều chỉnh hợp đồng dự án; bảo đảm đầu tư, cơ chế quản lý vốn nhà nước áp dụng trực tiếp cho dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

d) Việc triển khai dự án đầu tư xây dựng, nhà ở, khu đô thị thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư;

đ) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Dầu khí;

e) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, điều kiện đầu tư kinh doanh, hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán.

4. Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành cần quy định đặc thù về đầu tư khác với quy định của Luật Đầu tư thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, nội dung thực hiện theo quy định của luật khác đó.

5. Đối với hợp đồng trong đó có ít nhất một bên tham gia là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư, các bên có thể thỏa thuận trong hợp đồng việc áp dụng pháp luật nước ngoài hoặc tập quán đầu tư quốc tế nếu thỏa thuận đó không trái với quy định của pháp luật Việt Nam.

## ***1.2. Chiến lược***

Tình hình đầu tư nước ngoài hiện nay đang có những diễn biến đáng chú ý. Trước tiên, nhiều quốc gia đã và đang tạo ra môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư từ nước ngoài thông qua việc cải thiện hạ tầng, giảm thuế và tạo ra các chính sách hỗ trợ. Điều này đã giúp tăng cường sự cạnh tranh giữa các quốc gia trong việc thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài. Thứ hai, các công ty đầu tư nước ngoài đang tăng cường định hướng đầu tư vào các ngành công nghiệp mới nổi, bao gồm các ngành công nghệ cao, năng lượng tái tạo và y tế. Trong khi đó, một số ngành truyền thống như ngành sản xuất và dịch vụ cũng vẫn giữ vững sức hấp dẫn với các nhà đầu tư. Song song với đó, có sự gia tăng mạnh mẽ của việc hợp tác đầu tư giữa các quốc gia thông qua các hiệp định thương mại tự do và các tổ chức quốc tế. Tuy nhiên, tình hình đầu tư nước ngoài vẫn còn phải đối mặt với nhiều thách thức như biến đổi khí hậu, biến đổi công nghệ và rủi ro chính trị kinh tế. Điều này yêu cầu chúng ta phải có chiến lược phát triển đầu tư nước ngoài chặt chẽ và linh hoạt để tận dụng các cơ hội và đồng thời giảm thiểu các rủi ro.

Chiến lược phát triển đầu tư nước ngoài là một kế hoạch chi tiết và toàn diện để thu hút và tăng cường đầu tư từ các quốc gia khác vào đất nước. Để đạt được mục tiêu này, chiến lược cần xác định rõ các lĩnh vực đầu tư mục tiêu và những biện pháp cụ

thể để thu hút và duy trì vốn đầu tư. Các lĩnh vực đầu tư mục tiêu có thể bao gồm các ngành công nghiệp, dịch vụ, năng lượng, công nghệ thông tin và truyền thông, khách sạn và du lịch, và nhiều lĩnh vực khác. Chiến lược cũng cần xác định rõ các thị trường mục tiêu và phương pháp tiếp cận thích hợp để tiếp cận các nhà đầu tư tiềm năng. Ngoài ra, chiến lược cần có các chính sách và quy định đảm bảo môi trường kinh doanh thuận lợi và bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư.

Một số chiến lược đã có ở các doanh nghiệp Việt Nam:

- Các nhà đầu tư có xu hướng tìm kiếm cơ hội đầu tư ở các nước lân cận để rút ngắn chuỗi cung ứng. Đây là một hiện tượng mới do đại dịch gây ra và được gọi là "*đầu tư lân cận*". Nhiều quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản, những nước có nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất từ Việt Nam, Hoa Kỳ và một số nước thành viên EU, giảm thuế doanh nghiệp và khuyến khích đầu tư trong nước để thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Điều này khiến Việt Nam ngày càng khó thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- *Đơn giản hóa thủ tục hành chính và giảm tham nhũng*: chiến lược này sẽ giúp thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài hơn, và có thể thực hiện được thông qua việc triển khai tăng cường số hóa và nâng cao tính minh bạch. Các quốc gia như Singapore, Nhật Bản và Hàn Quốc đã chứng minh rằng các công ty nước ngoài nản lòng không phải vì chi phí cao khi thành lập đầu tư trực tiếp nước ngoài mà bởi sự không chắc chắn về chi phí do bộ máy quan lêu khó lường. Việt Nam cần đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong chính sách và thực tiễn đầu tư. Chính phủ có thể đạt được điều này bằng cách thiết lập các quy tắc và quy định rõ ràng, nhất quán và thực thi chúng một cách công bằng và nhất quán.

- *Cải thiện cơ sở hạ tầng*: chất lượng cơ sở hạ tầng, bao gồm giao thông, viễn thông và năng lượng, là yếu tố quan trọng trong việc thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Chính phủ đang tài trợ cho các dự án tiềm năng nhưng không may hiện đang bị chậm tiến độ, chẳng hạn như hệ thống tàu điện ngầm của thành phố. Hồ Chí Minh hãy lắp đặt 5G hoặc xây sân bay Long Thành ở Đồng Nai. Sau khi hoàn thành, các dự án này sẽ giúp Việt Nam trở thành một nền kinh tế năng suất và phát triển hơn.

Bên cạnh đó còn có một số chiến lược cũng đã đặt ra mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam sẽ nằm trong nhóm 3 quốc gia dẫn đầu ASEAN và nhóm 60 quốc gia đứng đầu thế giới theo xếp hạng môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới. Cùng với đó, mở rộng thị trường, tranh thủ vốn, công nghệ, kiến thức quản lý, văn hóa doanh nghiệp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài; nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, của doanh nghiệp và sản phẩm nội địa; thúc đẩy các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ trong nước; xác lập và tăng cường vai trò của doanh nghiệp Việt Nam trong cộng đồng quốc tế. Nâng cao hiệu quả, chất lượng toàn diện trong công tác thu hút, sử dụng vốn đầu tư nước ngoài, tăng tỷ lệ đóng góp của khu vực đầu tư nước ngoài trong phát triển kinh tế - xã hội, tương xứng với những hỗ trợ, ưu đãi được hưởng. Xây dựng và phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm tài chính đạt tầm cỡ khu vực và quốc tế, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn tới.

### **1.3. Quy hoạch**

Quy hoạch đầu tư nước ngoài ở Việt Nam là quá trình xác định các mục tiêu, chính sách và biện pháp để thu hút và quản lý đầu tư từ các nhà đầu tư nước ngoài.

Mục tiêu của quy hoạch này là tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế, tăng cường công nghệ và quản lý, và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Quy hoạch đầu tư nước ngoài ở Việt Nam được thực hiện thông qua các biện pháp như:

1. Tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi: Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều cải cách để giảm bớt các rào cản đối với đầu tư nước ngoài, cải thiện môi trường kinh doanh và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư.

2. Xác định các lĩnh vực và ngành công nghiệp ưu tiên: Chính phủ đã xác định các lĩnh vực và ngành công nghiệp có tiềm năng để thu hút đầu tư nước ngoài, bao gồm công nghệ thông tin, sản xuất, năng lượng tái tạo, y tế, giáo dục, du lịch và nông nghiệp.

3. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế: Việt Nam đã tham gia vào nhiều hiệp định thương mại tự do và khu vực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư và kinh doanh với các quốc gia khác.

4. Tăng cường quản lý và giám sát: Chính phủ Việt Nam đã tăng cường quản lý và giám sát đầu tư nước ngoài để đảm bảo rằng các dự án đầu tư đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường, xã hội và kinh tế.

5. Đào tạo và phát triển nhân lực: Việt Nam đã đầu tư vào đào tạo và phát triển nhân lực để đáp ứng nhu cầu của các dự án đầu tư nước ngoài và nâng cao chất lượng lao động.

Quy hoạch đầu tư nước ngoài ở Việt Nam đang được chính phủ tiếp tục cải thiện và điều chỉnh để thu hút thêm đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài.

#### **1.4. Chương trình**

Chính phủ ban hành Chương trình hành động của thực hiện về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

Nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết số 50-NQ/TW khóa XII đề ra Chính phủ đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

+ Cụ thể hóa để thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra trong Nghị quyết số 50-NQ/TW khóa XII. Xác định rõ các nhiệm vụ để các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW khóa XII. Thống nhất chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức quán triệt, triển khai, cụ thể hóa Nghị quyết số 50-NQ/TW, tạo sự chuyển biến rõ rệt trong nhận thức và hành động về tầm quan trọng của việc hoàn thiện thể chế, chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài. Thể hiện được vai trò kiến tạo, điều phối của Chính phủ theo tinh thần đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài và linh hoạt thích ứng với những thay đổi của kinh tế khu vực và thế giới; những xu thế mới về hợp tác đầu tư nước ngoài.

+ Để nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 cần đổi mới, nâng cao nhận thức, tư duy và thống nhất trong hành động về đầu tư nước ngoài phổ biến, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết số 50-NQ/TW khóa XII đến các bộ, ngành, địa phương, tổ chức Đảng các cấp, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân; đặc biệt là các quan điểm của Đảng về vị trí, vai trò của đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế. Tăng cường ổn định chính trị xã hội và kinh tế vĩ mô; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế Tập trung giữ vững ổn định xã hội, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô; tạo chuyển biến thực chất hơn trong thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, hướng tới phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam. Hoàn thiện thể chế, chính sách chung về đầu tư nước ngoài; chính sách thu hút đầu tư; chế độ, chính sách nhằm bảo hộ và đề cao trách nhiệm và hợp tác của nhà đầu tư.

### **1.5. Dự án**

Dự án FDI lớn là *Nhà máy điện khí tự nhiên hóa lỏng Bạc Liêu thuộc Trung tâm nhiệt điện (Singapore)*, vốn đầu tư đăng ký 4 tỷ USD với mục tiêu sản xuất điện từ khí tự nhiên hóa lỏng (cấp GCNĐKĐT ngày 16/1/2021). Chỉ với duy nhất 1 dự án cấp mới này, Bạc Liêu liên tục dẫn đầu cả nước về FDI từ đầu năm, vượt xa TP.HCM. Và cũng là dự án khiến Singapore liên tục là nhà đầu tư dẫn đầu, cho dù số dự án chỉ đứng thứ tư so với các nước, với tổng vốn đầu tư 6,77 tỷ USD, chiếm 32% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam.

Dự án lớn thứ hai hiện tại là *Tổ hợp Hóa dầu miền Nam đang được triển khai tại Bà Rịa-Vũng Tàu*, điều chỉnh tăng vốn đầu tư 1,386 tỷ USD.

Trong buổi gặp với Thủ tướng, Chủ tịch bày tỏ chân thành cảm ơn các bộ, ngành Việt Nam đã tạo điều kiện về các thủ tục, giấy phép cho dự án LSP. Song ông giải thích, vừa qua, dự án LSP có chậm tiến độ đôi chút, chủ yếu do các nhà cung cấp thiết bị ở châu Âu. Tuy nhiên, tính chung, đến nay, dự án đã hoàn thành 62% tiến độ. Tập đoàn đang nỗ lực áp dụng các công nghệ tiên tiến nhất để khắc phục việc chậm tiến độ, phấn đấu hoàn thành, đưa dự án đi vào vận hành cuối năm 2022 như đã cam kết.

Thứ ba là dự án *Khu trung tâm đô thị Tây hồ Tây (Hàn Quốc) tại Hà Nội*, điều chỉnh tăng vốn đầu tư thêm hơn 774 triệu USD. Dự án Starlake Tây Hồ Tây do Công ty TNHH Phát triển T.H.T làm chủ đầu tư 100%. Tổng số vốn đầu tư của dự án theo công bố ban đầu là 548 triệu USD. Với việc tăng vốn thêm 774 triệu USD, dự án có số vốn đầu tư hiện nay là hơn 1,3 tỷ USD.

Thứ tư là dự án *Pegatron Việt Nam (Đài Loan)*, vốn đầu tư 481 triệu USD với mục tiêu sản xuất thiết bị chơi game, phụ kiện điện thoại, loa thông minh, bộ điều khiển game; các loại máy tính tại Hải Phòng Pegatron là đối tác của nhiều tập đoàn lớn như Microsoft, Apple hay Sony...

Cuối cùng trong top 5 là dự án *Nhà máy sản xuất lốp xe Radian Jinyu (Việt Nam)*, tổng vốn đầu tư 300 triệu USD với mục tiêu sản xuất lốp xe toàn thép TBR do nhà đầu tư Trung Quốc Jinyu Tire đầu tư tại Tây Ninh. Jinyu Tire là tập đoàn sản xuất lốp xe Trung Quốc, đạt danh hiệu top 75 trên Thế giới. Các sản phẩm của Jinyu Tire

được phân phối rộng Trung Quốc và hơn 100 quốc gia trên thế giới. Nhà máy sản xuất lốp xe TBR Jinyu Tire được quyết định đầu tư tại Việt Nam với công suất dự kiến 2.000.000 sản phẩm/năm.

### **1.6. Chính sách**

#### **\*Chính sách đầu tư**

Chính sách đầu tư quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài của Việt Nam được thể hiện qua các quy định sau:

1. *Thành lập tổ chức kinh tế mới*: Các tổ chức kinh tế thông thường áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài là Công ty TNHH 1TV hoặc hơn 2 TV, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh.

2. *Mergers & Acquisitions (M & A)*: Tùy vào tỷ lệ sở hữu vốn của nhà đầu tư nước ngoài và ngành nghề kinh doanh, chủ đầu tư có thể thực hiện thủ tục 01 bước hoặc 02 bước.

3. *Thực hiện dự án đầu tư*: Một doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được thành lập tại Việt Nam có thể thực hiện nhiều dự án đầu tư, bao gồm thành lập tổ chức kinh tế khác.

4. *Đầu tư theo hình thức BCC*: BCC là hợp đồng được ký giữa các nhà đầu tư nhằm hợp tác kinh doanh, phân chia lợi nhuận, phân chia sản phẩm mà không thành lập tổ chức kinh tế.

5. *Các hình thức đầu tư, loại hình tổ chức kinh tế mới theo quy định của Chính phủ*.

Chính sách đầu tư nước ngoài là một chính sách trong hệ thống chính sách phát triển kinh tế. Được hoạch định cho hoạt động mang đến ý nghĩa quốc gia. Bao gồm một hệ thống các quan điểm, nguyên tắc, công cụ và phương pháp mà Nhà nước áp dụng để quản lý các hoạt động đầu tư quốc tế của quốc gia.

Vì vậy, Việt Nam cần thực hiện chính sách chủ động thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu; ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất gắn với đào tạo nhân lực.

#### **\*Chính sách tín dụng**

Chính sách tín dụng quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài của Việt Nam được thể hiện qua các quy định sau:

1. *Mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp*: Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phải mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp tại một tổ chức tín dụng được phép.

2. *Góp vốn đầu tư và chuyển vốn đầu tư*: Việc góp vốn đầu tư, việc chuyển vốn đầu tư gốc, lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp khác phải thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp.

3. *Chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước*: Chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước góp phần phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Đặc biệt, Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) được thành lập để thực hiện chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước, phù hợp với lộ trình cam kết gia nhập tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

4. *Danh mục các dự án vay vốn tín dụng đầu tư*: Nhà nước đã xây dựng danh mục các dự án vay vốn tín dụng đầu tư (TDĐT), tín dụng xuất khẩu (TDXK) tập trung nguồn lực đầu tư của Nhà nước cho các dự án thuộc các lĩnh vực, ngành nghề quan trọng.

Chính sách tín dụng đầu tư nước ngoài là một chính sách trong hệ thống chính sách phát triển kinh tế. Được hoạch định cho hoạt động mang đến ý nghĩa quốc gia. Bao gồm một hệ thống các quan điểm, nguyên tắc, công cụ và phương pháp mà Nhà nước áp dụng để quản lý các hoạt động đầu tư quốc tế của quốc gia.

\*Chính sách ưu đãi thuế

Chính sách thuế của Việt Nam nhằm thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) đã trải qua nhiều giai đoạn cải cách và điều chỉnh tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể. Dưới đây là một số điểm nổi bật:

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)*: Trong giai đoạn cải cách thuế bước 1 (bắt đầu từ cuối những năm 1980), doanh nghiệp FDI được áp dụng thuế suất thuế phổ thông của thuế lợi tức ở mức 25%. Trong khi đó, các doanh nghiệp trong nước áp dụng các mức thuế suất thuế lợi tức 30%, 40% và 50% tùy theo ngành nghề kinh doanh.

- *Ưu đãi thuế TNDN*: Doanh nghiệp FDI còn được hưởng các mức thuế suất ưu đãi 10%, 15% và 20% áp dụng đối với các dự án khuyến khích đầu tư; được miễn thuế lợi tức tối đa 4 năm kể từ khi bắt đầu kinh doanh, giảm 50% số thuế lợi tức phải nộp tối đa trong 4 năm tiếp theo, tùy theo ngành nghề đầu tư hoặc địa bàn hoạt động.

- *Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*: Để thực hiện chính sách khuyến khích thu hút đầu tư nước ngoài, Luật Thuế Xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 1991 quy định một số trường hợp miễn thuế như: Tài sản cố định của doanh nghiệp FDI nhập khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để gia công hàng xuất khẩu; hàng tạm nhập tái xuất để dự hội chợ triển lãm; hàng nhập khẩu chuyên dùng phục vụ khoa học, giáo dục, đào tạo.

Chính sách thuế đã đóng góp tích cực trong việc thu hút doanh nghiệp FDI đầu tư vào Việt Nam và được điều chỉnh tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể.

## **2. Đánh giá tác động của các công cụ**

### **2.1. Công cụ tốt (chính sách)**

Công cụ quản lý kinh tế của nhà nước là tổng thể những phương tiện hữu hình và vô hình mà nhà nước sử dụng để tác động lên mọi chủ thể kinh tế trong xã hội nhằm thực hiện mục tiêu quản lý kinh tế quốc dân. Công cụ quản lý kinh tế của nhà nước có thể phân loại theo nhiều tiêu chí, như phương thức tác động, mục tiêu tác động, thời gian tác động, lĩnh vực tác động, kết quả tác động, hành động thường xuyên. Trong đó, một số công cụ quan trọng là:

*Pháp luật*: là bộ quy tắc do nhà nước ban hành để điều chỉnh các quan hệ kinh tế xã hội, bảo đảm trật tự, ổn định, và phát triển kinh tế. Pháp luật về kinh tế là pháp luật điều chỉnh các quan hệ kinh tế giữa các chủ thể kinh tế trong nước và nước ngoài, bao gồm các quy định về đầu tư, thương mại, thuế, hải quan, bảo hộ, bảo vệ môi trường, lao động, tiền tệ, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, cạnh tranh, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, v.v.

*Chiến lược*: là tập hợp các mục tiêu và các phương thức để đạt được mục tiêu của nhà nước trong quản lý kinh tế quốc dân. Kế hoạch có thể chia thành các loại như

chiến lược phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch trung hạn, kế hoạch hàng năm, chương trình, dự án, ngân sách. Kế hoạch là căn cứ cơ bản của quản lý kinh tế vĩ mô, là một công cụ quan trọng của nhà nước để điều hành kinh tế vĩ mô.

*Chính sách:* là phương thức hành động được một chủ thể khẳng định và thực hiện nhằm giải quyết những vấn đề lặp đi lặp lại. Chính sách kinh tế xã hội là tổng thể các quan điểm tư tưởng, mục tiêu tổng quát và những phương thức cơ bản để thực hiện mục tiêu phát triển của đất nước. Chính sách có thể phân loại theo lĩnh vực tác động, phạm vi ảnh hưởng, thời gian phát huy hiệu lực, cấp độ của chính sách. Chính sách có chức năng định hướng, điều tiết, tạo tiền đề, khuyến khích phát triển.

*Tài sản quốc gia:* là tổng thể các tài nguyên thiên nhiên, kết cấu hạ tầng, ngân sách nhà nước, hệ thống thông tin, doanh nghiệp nhà nước, mà nhà nước sở hữu hoặc quản lý. Tài sản quốc gia là nguồn lực quan trọng để nhà nước thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, và thực hiện các nghĩa vụ quốc tế.

Trong các công cụ quản lý kinh tế của nhà nước, chính sách là công cụ tốt để tác động vào lĩnh vực đầu tư nước ngoài, vì chính sách có thể thay đổi linh hoạt theo thời gian, điều kiện, và mục tiêu của nhà nước. Chính sách cũng có thể kết hợp với các công cụ khác như pháp luật, kế hoạch, tài sản quốc gia để tăng cường hiệu quả quản lý. Theo bài viết Những chính sách nhằm thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, nhà nước Việt Nam đã áp dụng một số chính sách như:

Đảm bảo các quyền cơ bản của nhà đầu tư, bao gồm quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, quyền chuyển đổi ngoại tệ, quyền chuyển nhượng vốn, quyền bảo vệ tài sản, quyền tham gia các hoạt động xã hội, v.v.

Chiến lược bảo hộ và các ưu tiên dành cho các nhà đầu tư và người nước ngoài, bao gồm miễn giảm thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường, thuế sử dụng đất, v.v. Các nhà đầu tư và người nước ngoài cũng được hưởng các chế độ ưu đãi về lao động, bảo hiểm, hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ công nghệ, v.v.

Ưu đãi về đất đai cho các nhà đầu tư nước ngoài, bao gồm cho thuê đất dài hạn, cho thuê đất với giá rẻ, cho thuê đất miễn phí, cho thuê đất với điều kiện ưu đãi, cho thuê đất với quyền sử dụng đất

Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào các khu vực kinh tế đặc biệt, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế biên giới, khu kinh tế ven biển, khu kinh tế du lịch, v.v. Các khu vực này có những ưu đãi đặc biệt về đất đai, thuế, hải quan, lao động, v.v. Các khu vực này cũng có cơ sở hạ tầng tốt, dịch vụ hỗ trợ đa dạng, và môi trường kinh doanh thuận tiện.

Thúc đẩy hợp tác quốc tế và hội nhập kinh tế, bằng cách tham gia vào các hiệp định thương mại tự do, các tổ chức kinh tế quốc tế, các diễn đàn hợp tác khu vực và toàn cầu. Nhà nước Việt Nam cũng tăng cường quan hệ ngoại giao, thương mại, đầu tư, du lịch, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, v.v. với các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước láng giềng, các nước có nền kinh tế phát triển, và các nước có nguồn vốn đầu tư lớn.

Cải thiện môi trường kinh doanh, bằng cách đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao minh bạch, công bằng, và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, xây dựng một hệ thống pháp luật ổn định, hiện đại, và phù hợp với quy định quốc tế, tăng cường giải quyết tranh chấp, bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, v.v. Nhà nước Việt Nam cũng khuyến khích sự đổi mới, sáng tạo, và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

## **2.2. Công cụ chưa tốt (chiến lược)**

Khi đầu tư nước ngoài, có nhiều yếu tố cần được xem xét để đảm bảo hiệu quả và bền vững của dự án. Một yếu tố quan trọng là môi trường kinh doanh và pháp lý của quốc gia đầu tư. Việc tìm hiểu về chính sách thuế, quy định đầu tư, và quyền sở hữu trí tuệ là điều cần thiết để tránh các rủi ro pháp lý và đảm bảo bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp. Ngoài ra, cần đánh giá thị trường tiềm năng và khả năng cạnh tranh của ngành công nghiệp địa phương. Phân tích các yếu tố như tăng trưởng kinh tế, dân số, thu nhập trung bình, và quy mô thị trường sẽ giúp xác định tiềm năng và ưu điểm cạnh tranh của dự án đầu tư nước ngoài. Các yếu tố chính trực tiếp liên quan đến dự án cần xem xét bao gồm tỷ suất lợi nhuận, rủi ro đầu tư, và chi phí vốn. Việc đánh giá kỹ lưỡng các yếu tố này sẽ giúp đánh giá khả năng sinh lời và mức độ rủi ro của dự án đầu tư. Cuối cùng, yếu tố địa lý và văn hóa cũng cần được xem xét. Sự hiểu biết về văn hóa và thị trường địa phương sẽ giúp doanh nghiệp thích nghi và thành công hơn trong việc đầu tư nước ngoài.

- Thực tế cho thấy Việt Nam hiện đang thiếu một chiến lược đầu tư trực tiếp nước ngoài mang tính dài hạn và cụ thể. Mục tiêu của Luật Đầu tư nước ngoài (cũ) và Luật Đầu tư chung hiện hành quá nhiều, chồng chéo, thậm chí mâu thuẫn nhau (ví dụ ưu tiên phát triển công nghệ cao so với ưu tiên các ngành sử dụng nhiều lao động...). Hơn nữa, những thay đổi chiến lược cần thiết phải được thực hiện trên toàn quốc. Mỗi tỉnh và chính quyền địa phương đều có kế hoạch thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài riêng và điều này sẽ không dẫn đến tình trạng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài không được phân bổ và sử dụng kém hiệu quả.

- Chiến lược FDI cần thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu trong khu vực doanh nghiệp FDI. Sự kém phát triển của công nghiệp hỗ trợ trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài với giá trị gia tăng thấp là nguyên nhân chính khiến các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục thâm hụt thương mại (khi loại trừ dầu thô khỏi xuất khẩu trong lĩnh vực này) và Việt Nam đang góp phần làm xấu đi tình hình kinh tế, thâm hụt thương mại kinh niên. Vì vậy, cần đẩy mạnh thu hút đầu tư và phát triển công nghiệp hỗ trợ trong nước.

- Mục tiêu chính của đầu tư trực tiếp nước ngoài hiện nay là vốn và công nghệ (bao gồm công nghệ sản xuất và công nghệ quản lý) cho các ngành, lĩnh vực (như dự án cơ sở hạ tầng quy mô lớn,...) mà trước đây Việt Nam chưa thể thực hiện được. Các quốc gia không có đủ năng lực nên được cung cấp theo hình thức đối tác công tư (PPP - public-private Partnership). Đồng thời, nhằm thúc đẩy thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành sản xuất nhằm tạo thêm giá trị gia tăng cho Việt Nam.

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài phải được coi là chất xúc tác của kinh doanh tạo hiệu ứng lan tỏa cho doanh nghiệp tư nhân. Trở thành nhà cung cấp địa phương cho một công ty nước ngoài mang lại cho các công ty tư nhân cơ hội làm việc tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng và môi trường, đồng thời giúp họ kết nối với mạng lưới cung ứng toàn cầu.

- Thu hút FDI phải gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Cần tăng cường vai trò của các bộ, cơ quan trong việc rà soát, phê duyệt, giám sát đầu tư các dự án xử lý môi trường, đảm bảo xử lý chất thải hàng ngày trong các dự án để đảm bảo an toàn khi có tác động lớn nhất đến môi trường.

Ngoài ra, vẫn còn một số tồn tại, bất cập như: Các khuôn khổ pháp lý và thể chế chồng chéo và không hiệu quả. Các dự án được chuẩn bị kém, cơ chế chia sẻ rủi ro không hiệu quả và hợp đồng dự án lỏng lẻo. Ở hầu hết các dự án được điều tra, việc lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện theo hình thức chỉ định thầu, tiềm ẩn rủi ro lãng phí, thất thoát, có đủ năng lực thực hiện dự án và còn bao gồm cả việc lựa chọn những nhà đầu tư không có mặt. Dự án này kém hấp dẫn với nhà đầu tư do không có cơ chế phân bổ vốn đầu tư công để đầu tư vào dự án PPP và không có công cụ chia sẻ rủi ro dự án (ví dụ: doanh thu, vận tải, bảo đảm chuyển đổi tiền tệ, thay đổi kế hoạch). Việc công bố dự án, danh mục dự án chưa nghiêm túc, công khai. Việc giám sát xử lý hợp đồng còn lỏng lẻo.

### **Phần 3: Kết luận**

Như vậy, để vừa thu hút vốn đầu tư nước ngoài vừa bảo hộ các nhà đầu tư trong nước và đảm bảo tính cạnh tranh thì vai trò quản lý Nhà nước vô cùng quan trọng, Nhà nước cần: đưa ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về các biện pháp bảo đảm và khuyến khích đầu tư, trong đó có các giải pháp: rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản pháp luật phù hợp với nền kinh tế thị trường và các điều ước quốc tế, Hoàn thiện các quy định về ngành nghề kinh doanh có điều kiện, điều chỉnh việc xây dựng quy hoạch, mở rộng lĩnh vực ưu đãi đầu tư; hoàn thiện các ưu đãi về thuế; hoàn thiện các quy định pháp luật về đất đai; hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu và giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại; cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Hi vọng rằng, bằng những quy định sáng suốt và hợp lý nền kinh tế của Việt Nam sẽ từng bước phát triển hội nhập với nền kinh tế thế giới.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Luanvan.co
2. Thư viện chia sẻ văn luận
3. Chính sách đầu tư đối tác công – tư (PPP) trong phát triển cơ sở hạ tầng Việt Nam
4. Chính phủ (2021), Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư 2020, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021;
5. Phùng Xuân Nhạ (2010), -Nguyễn Thị Ái Liên (2011)
6. Phan Hữu Thắng (2021) -Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2019),
7. Báo cáo chồng chéo pháp luật về đầu tư kinh doanh, tháng 12/2019, Hà Nội;
8. Nguyễn Đức Tuấn (2020),
9. Đại học Kinh tế Quốc dân
10. <https://dangcongsan.vn/kinh-te/nang-cao-hieu-qua-hop-tac-dau-tu-nuoc-ngoai-553830.html>:Nâng cao hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài

### **GHI CHÚ TỪ VIẾT TẮT**

1. CNH-HĐH: công nghiệp hóa - hiện đại hóa
2. USD: đô la Mỹ hay còn gọi là Mỹ kim
3. FDI: Foreign Direct Investment, được hiểu là nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài
4. ASEAN: hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
5. GCNĐKĐT: giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
6. Tp.HCM: thành phố Hồ Chí Minh
7. Dự án LSP: Dự án Tổ hợp Hóa dầu Miền Nam (Long Son Petrochemicals)
8. Công ty TNHH: trách nhiệm hữu hạn
9. Lớp xe TBR: Lớp Westlake Truck & Bus